

**TÍNH THÍCH ỨNG CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ
TRONG KHU VỰC NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN VIỆT NAM**
**Adaptability of small medium-sized enterprises to agriculture and rural sector in
Vietnam**

Vũ Văn Tuấn¹

SUMMARY

According to the decree 681/CP-KTN dated 20 June 1998 issued by the government on the support to development of small and medium-sized enterprises, a small and medium enterprise is defined as an enterprise which uses less than 300 laborers and has the capital of less than 10 billion VND. Therefore a small and medium enterprise has several advantages over a large-sized enterprise such as it can be easily established and functioned, and highly flexible; it can bring into play the local internal resources, potential of domestic market; and it can also provide efficient supports for the existence and development of the large enterprise, etc. With the characterized features of labor force, market niche, raw material zone, financial setting, infrastructure and traditional handicrafts in our country, small and medium enterprises can highly adapt to the field of agriculture and rural development. It can be confirmed that the small and medium-sized enterprises could only promote its ability well when they enable to take advantages of agricultural production and rural development. Conversely, the potential of agricultural production and rural development could only be efficiently exploited when the small and medium enterprises can bring into play their advantages.

Keywords: Adaptability, small and medium-sized enterprises.

Thời gian gần đây đã có một số công trình nghiên cứu xoay quanh các vấn đề về xác định tiêu chuẩn doanh nghiệp vừa và nhỏ, vai trò của doanh nghiệp vừa và nhỏ... ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi xin đề cập tới tính thích ứng của loại hình doanh nghiệp này trong khu vực nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

1. Tiêu chí xác định và lợi thế của doanh nghiệp vừa và nhỏ

Phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, mục đích phân loại doanh nghiệp, yếu tố lịch sử và một số yếu tố định lượng khác như tính

chất ngành nghề, vị thế độc quyền, trình độ chuyên môn hoá, mức độ phức tạp của quản lý... mỗi quốc gia trên thế giới đưa ra tiêu chí xác định doanh nghiệp vừa và nhỏ riêng, không giống nhau (Vũ Quốc Tuấn, Hoàng Thu Hoà, 2001). Tại Việt Nam, nhiều năm qua chưa có tiêu chí xác định doanh nghiệp vừa và nhỏ thống nhất. Do yêu cầu hoạt động, một số ngành như Ngân hàng Công Thương Việt Nam; Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội và Bộ Tài chính; Dự án VIE/US/95/004 do UNIDO -Tổ chức phát triển công nghiệp Liên Hiệp Quốc hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam; Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc chương trình Việt Nam- EU; Quỹ phát triển nông thôn thuộc Ngân hàng Nhà

¹ Bộ môn Pháp luật, Khoa Mac-Lênin

TÍNH THÍCH ỨNG CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ...

nước Việt Nam... đã tự đưa ra tiêu chí, nên số lượng tiêu chí, loại tiêu chí và chỉ số của mỗi tiêu chí không giống nhau. Sau công văn số 681/CP- KTN ngày 20/6/1998 của Văn phòng Chính phủ, ngày 23/11/2001 Chính phủ mới ban hành Nghị định số 90/2001/NĐ - CP về trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo đó doanh nghiệp vừa và nhỏ được xác định theo 2 tiêu chí là số lao động từ 300 người trở xuống và số vốn nhỏ hơn 10 tỷ đồng (Công báo, 2001). Đây là tiêu chí thống nhất xác định doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay.

So với doanh nghiệp có quy mô lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ có những đặc điểm và lợi thế rõ nét là :

Thứ nhất: Dễ khởi nghiệp, do yêu cầu về vốn thấp phù hợp với khả năng đầu tư của một người, một hộ gia đình, một nhóm người (Nguyễn Cúc, Hồ Văn Vĩnh, Đặng Ngọc Lợi, Nguyễn Hữu thắng, 1997); doanh nghiệp ít chịu ràng buộc về pháp lý; yêu cầu quản lý giản đơn...

Thứ hai: Dễ gắn liền với nguồn nguyên liệu và cung ứng hàng hoá, do đó rất thích hợp với lĩnh vực sản xuất, chế biến nông- lâm-thủy- hải sản và bán lẻ. Có khả năng thoả mãn nhu cầu có hạn trong thị trường chuyên môn hoá thấp.

Thứ ba: Có tính năng động, linh hoạt cao, thâm nhập nhanh vào thị trường tiềm năng và nhanh rút lui khỏi thị trường hết tiềm năng; dễ thích ứng với thay đổi của thị trường; có khả năng đón đầu những biến chuyển về công nghệ, quản lý, những giao động nhất thời hoặc cơ bản lâu dài trên thị trường (Nguyễn Công Tạn, 2003), hay những thay đổi đột ngột từ trong thể chế, trong chế độ kinh tế - xã hội.

Thứ tư: Có khả năng phát huy mọi tiềm

năng của địa phương và cơ sở, có ảnh hưởng tốt ở cơ sở khi dễ thực hiện chính sách kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, hài hoà được cả bản sắc văn hoá dân tộc cũng như những ưu thế của địa phương trong hoạt động kinh tế (Vũ Quốc Tuấn, Hoàng Thu Hải, 2001), đặc biệt có điều kiện đi vào ngành nghề truyền thống, đạt hiệu quả cao nên có lợi thế để phát triển trong khi lại ít chịu ảnh hưởng của độc quyền và cạnh tranh quyết liệt.

Thứ năm: Là sự bổ sung thiết yếu cho sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp lớn (Nguyễn Công Tạn, 2003). Bởi đây là nơi thử nghiệm các đổi mới, các phát minh, sáng chế; đảm nhiệm có hiệu quả tất cả các công đoạn của quá trình sản xuất mà doanh nghiệp lớn không nên làm; có khả năng thích ứng tốt với nhiều loại dịch vụ có lợi thế “gần kề”; có thể phát triển trên mọi địa bàn kể cả vùng sâu, vùng xa, vùng núi... lấp vào khoảng trống và thiếu vắng của doanh nghiệp lớn

Thứ sáu: Có thể phát huy tiềm lực và phát triển thị trường trong nước. Đây là phương thức tốt nhất để thay thế hàng nhập khẩu đối với các mặt hàng mà chi phí và vốn đầu tư thấp, kỹ thuật không phức tạp, sản phẩm phù hợp với sức mua của người dân, từ đó tăng sức mua của thị trường.

2. Đặc trưng có lợi cho sự phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ của khu vực nông nghiệp, nông thôn Việt Nam

Dù ở khu vực nào doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng có được những lợi thế riêng của mình. Phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tại Nghị quyết Trung ương 5 Ban chấp hành TW Đảng khóa IX về thủ tục đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân đã ghi nhận “chú trọng tạo điều

kiện hỗ trợ những doanh nghiệp nhỏ và vừa”. Đây cũng chính là một lợi thế về chính sách của loại hình doanh nghiệp này. Tuy nhiên, với đặc trưng về kinh tế - xã hội khu vực nông nghiệp, nông thôn lại tạo ra cho loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ những lợi thế riêng cần kể đến là:

Thị trường

Với tốc độ tăng dân số, thu nhập trên đầu người tăng... nhu cầu về sản phẩm hàng hoá nói chung trong đó có sản phẩm hàng hoá của khu vực nông nghiệp, nông thôn cũng tăng lên. Cùng với quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, sự phát triển của khu vực đô thị đã kích thích nhu cầu về lương thực, thực phẩm... tăng về cả số lượng và chất lượng. Khu vực nông thôn hiện nay hình thành nên các vùng chuyên canh, mỗi vùng lại cần lượng sản phẩm, hàng hoá lớn để phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Với tư cách là một thị trường, ngoài nhu cầu về hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng... khu vực nông nghiệp nông thôn hiện cần số lượng lớn về phân bón, giống cây trồng, vật nuôi, dịch vụ sản xuất nông nghiệp... Thị trường này hiện chưa đủ sức hút đối với các nhà sản xuất lớn do mật độ tập trung dân cư chưa cao, thu nhập còn thấp và tính chuyên môn hoá trong sản xuất chưa rõ nét... nên còn bỏ ngỏ. Với yêu cầu vốn không cao, công nghệ sản xuất giản đơn,... những lĩnh vực này rất phù hợp với loại doanh nghiệp có quy mô nhỏ. Đặc biệt, hiện nay tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy, hải sản vẫn chiếm gần 40% tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu của cả nước, trong đó nhiều sản phẩm có tỷ trọng xuất khẩu rất cao như điều 100%, cà phê 95%, cao su và hạt tiêu gần 90%, chè 50%... một số trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực và có thứ hạng cao trên thế giới như

gạo, cà phê... Tuy nhiên, một trong những vấn đề bức xúc là phải nâng cao chất lượng nông sản để cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của nhiều nước như gạo với Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, Mianma; cao su với Thái Lan, Indônêxia, Malaixia, Srialanca; chè với Srilanca, Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia; đường với Thái Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc; rau quả với Trung Quốc, Thái Lan... bằng việc cần tiếp tục phát huy lợi thế so sánh của sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm có xuất xứ từ nông thôn Việt Nam để góp phần giữ tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của cả nước 15 – 16% trong những năm tới.

Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng nông thôn ngày càng tốt hơn trên tất cả các mặt: điện, đường, thông tin liên lạc... Cụ thể là 86,2% số xã với 77,3% số thôn trong toàn quốc đã có điện, trong đó ba vùng đã thực hiện xong điện khí hoá nông thôn với trên 95% số xã có điện là đồng bằng sông Hồng (99,8%), đồng bằng sông Cửu Long (99,7%) và Đông Nam Bộ (97,5%). Cả nước đã có 26/61 tỉnh thành 100% số xã có điện; 83,8% số xã trong toàn quốc có máy điện thoại, riêng vùng đồng bằng sông Hồng là 88,6%, Đông Nam Bộ 97% và đồng bằng sông Cửu Long là 99,7%. Về chợ, 57% số xã trong toàn quốc có chợ, trong đó cao nhất là khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và đồng bằng Sông Hồng. Về đường giao thông, 97,1% số xã trong toàn quốc có đường giao thông tới tận trung tâm, riêng đồng bằng Sông Hồng (99,99%), Đông Nam Bộ (99,%) và Tây Nguyên (98%); 23 tỉnh thành trong toàn quốc 100% số xã có đường giao thông tới trung tâm (Báo Nhân dân, 2002).

Đó là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành xây dựng cơ sở sản xuất

TÍNH THÍCH ỨNG CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ...

kinh doanh và tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn.

Lao động

Nông thôn là nơi chiếm gần 76% dân số, trên 70% tổng lao động xã hội, nguồn nhân lực tại khu vực nông thôn rất dồi dào. Hiện nay kể cả số lao động thiếu việc làm quy đổi thì khu vực này đang có khoảng 8 triệu lao động thất nghiệp và mỗi năm có thêm hơn 1 triệu lao động bổ sung. Với 12% số lao động được đào tạo, tuy so với toàn quốc là thấp nhưng đáp ứng được yêu cầu của các cơ sở sản xuất có quy mô vừa và nhỏ. Người lao động nông thôn tuy chưa có tác phong và tinh thần kỷ luật trong lao động, thậm chí không muốn gò bó trong quan hệ quản lý, kỷ luật cứng nhắc nhưng có tính cần cù, khéo léo, giàu trí sáng tạo do đã quen với hoạt động nghề nghiệp thủ công truyền thống; mặt khác họ luôn giữ quan hệ đồng nghiệp, quan hệ tình cảm tốt, kể cả với người quản lý, với ông chủ và tinh thần trách nhiệm, lòng trung thành của họ cũng xuất phát từ đó. Với quy mô vừa và nhỏ, người quản lý doanh nghiệp không cần sử dụng nhiều mệnh lệnh hành chính, thậm chí còn có điều kiện để gần gũi với người lao động và như vậy sẽ khai thác được triệt để khả năng lao động của họ. Lực lượng lao động ở nông thôn không chỉ là lao động làm thuê, với yêu cầu về vốn, công nghệ... không cao nhưng với tinh thần dám nghĩ, dám làm, đặc biệt là số lao động trẻ, nhiều người có đủ điều kiện để lập và làm chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ để làm giàu cho mình và làm giàu cho đất nước. Khi lập doanh nghiệp và sử dụng chính lao động gia đình, họ mạc, làng xóm thì tinh thần lao động và sự trung thành của người lao động càng cao, điều này đã tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Tài chính

Hiện theo dự tính nguồn tiền có trong dân cư nông thôn chưa được sử dụng lên tới 5 tỷ USD, nguồn vốn này có thể khai thác được để phát triển sản xuất. Hệ thống ngân hàng và mạng lưới tổ chức tín dụng cũng đã được thiết lập và hoạt động khá mạnh trong khu vực, khi thiết lập quan hệ vay vốn các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu vực nông nghiệp, nông thôn thường được hưởng ưu đãi về thủ tục vay, lãi suất và thời hạn trả nợ... Ngoài ra, còn nhiều nguồn tài chính từ các dự án như ưu đãi phát triển sản xuất, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ phát triển ngành nghề nông thôn... Như năm 2001 nhà nước đã đầu tư trên 70 tỷ đồng cho hơn 100 dự án, quỹ hỗ trợ phát triển đầu tư 1500 tỷ đồng cho các làng nghề... Thêm vào đó, nhà nước cũng dành nhiều ưu đãi về thuế gồm mức thuế suất, thời hạn miễn, giảm thuế... cho các doanh nghiệp hoạt động trong khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Làng nghề truyền thống

Với hơn 1400 làng nghề truyền thống (2/3 làng nghề có truyền thống lâu đời), trong đó nhóm làng nghề chế biến hàng nông sản chiếm 27%, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 33%, sản xuất dịch vụ khác 50% đã thu hút hơn 15 triệu lao động (Vũ Quốc Tuấn, Hoàng Thu Hải, 2001). Sau nhiều năm thăng trầm, đến nay hàng thủ công mỹ nghệ từ các làng nghề đã có mặt tại trên 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, tiêu biểu là Nhật Bản, Đức, Đài Loan, Hồng Kông... Một số mặt hàng được đánh giá cao như tranh thêu mỹ thuật của Đà Lạt, Tượng Đá Non Nước - Đà Nẵng, đồ gỗ Đồng Kỵ - Bắc Ninh... giá trị xuất khẩu năm 2001 đã đạt trên 300 triệu USD, trong đó đồ gỗ gia dụng chiếm 40%, gốm sứ chiếm 33%, gỗ mỹ nghệ chiếm 17%... Để đạt mục tiêu

gần 1 tỷ USD giá trị xuất khẩu nhóm mặt hàng này vào năm 2005, ngoài hộ gia đình, cần lập thêm các cơ sở sản xuất có quy mô lớn hơn tạo ra sản phẩm đáp ứng yêu cầu cả về số và chất lượng. Cứ 1 triệu USD giá trị xuất khẩu nhóm mặt hàng này tạo thêm được từ 3000 - 4000 chỗ làm mới, như vậy sẽ giải quyết một số lượng lớn lực lượng lao động đang dư thừa của khu vực nông thôn.

Nguyên liệu

Ở Việt Nam đã hình thành nhiều khu vực sản xuất hàng hoá tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ cho nhiều ngành như vùng lúa đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng; vùng cà phê Tây nguyên, Đông Nam Bộ; Vùng cao su Đông Nam Bộ; vùng rau các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Lâm Đồng; vùng mía duyên hải miền Trung, Nam Bộ... Song thực tế tỷ trọng nông lâm sản được chế biến công nghiệp còn rất thấp chỉ đạt 60% sản lượng chè, 30% sản lượng mía, 5% rau quả, 1% thịt, 25% sản lượng thuỷ sản... do năng lực chế biến của các cơ sở còn thấp, công nghệ lạc hậu. Chính vì thế sản phẩm hàng hoá của nước ta thường bị ép giá, nhiều năm qua giá gạo xuất khẩu luôn thấp hơn sản phẩm cùng loại của Thái Lan từ 5- 10%. Đây chính là lĩnh vực đang rất cần được đầu tư để phục vụ chiến lược tăng giá trị xuất khẩu của đất nước trong nhóm mặt hàng này.

3. Đánh giá chung về tính thích ứng của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khu vực nông nghiệp, nông thôn Việt Nam

Với lợi thế riêng của mình, doanh nghiệp vừa và nhỏ hoàn toàn thích ứng với tính chất và trình độ phát triển sản xuất của khu vực nông nghiệp, nông thôn. Qua quá trình tồn tại, loại hình doanh nghiệp này ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong nền

kinh tế nói chung và trong khu vực nông nghiệp nông thôn nói riêng. Hiện nay loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động trong tất cả các thành phần, các lĩnh vực kinh tế và chiếm hơn 90% trong khoảng 100.000 doanh nghiệp (Nguyễn Công Tạn, 2003). Với khả năng tạo ra hiệu quả cao (tạo ra một đồng doanh thu trên 0,220 đồng vốn cố định - trong đó doanh nghiệp tập thể là 0,298 đồng và doanh nghiệp tư nhân là 0,188 đồng - so với các doanh nghiệp nhà nước ở trung ương phải đầu tư 0,562 đồng), các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã tạo ra 26% GDP; 31% giá trị sản xuất công nghiệp và mỗi năm đóng góp khoảng 1500 tỷ đồng để phát triển kinh tế, chiếm tỷ trọng trên 10% vốn đầu tư toàn xã hội. Bên cạnh đó, khả năng tạo việc làm cũng rất lớn (để tạo ra một chỗ làm mới, một doanh nghiệp tư nhân chỉ đầu tư 15 triệu đồng, công ty trách nhiệm hữu hạn 45 triệu đồng so với doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn đầu tư tới 87,5 triệu đồng) nên hiện nay loại hình doanh nghiệp này đã sử dụng khoảng 24% lực lượng lao động quốc gia (Vũ Quốc Tuấn, Hoàng Thu Hải, 2001). Trong những năm 1990 – 1997 đã góp phần tạo thêm 2,9 triệu chỗ làm trong khu vực nông nghiệp, nông thôn so với 200.000 chỗ làm của khu vực công nghiệp trong cùng giai đoạn và đưa số lao động phi nông nghiệp tăng lên. Hiện nay, doanh nghiệp vừa và nhỏ đang tạo ra 100% giá trị hàng hoá ở các ngành chiếu cói, thủ công mỹ nghệ... Nhờ đó, những năm gần đây đã góp phần nâng cao và thay đổi cơ cấu thu nhập của người lao động khu vực nông thôn, cụ thể tăng thu nhập từ lúa 21%, cây lương thực khác 55%, chăn nuôi và nghề cá 53%, cây ăn quả 112% và từ cây công nghiệp tới 127%. Tại các làng nghề truyền thống của Hà Tây, thu nhập từ phi nông

TÍNH THÍCH ỨNG CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ...

ng nghiệp của người lao động nông thôn lên tới 60%, gấp 4 lần mức trung bình của toàn quốc, càng cho thấy rõ điều này. Bên cạnh đó, loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ tại khu vực nông nghiệp, nông thôn còn khai thác được và tạo ra nhiều lợi ích về xã hội khác như khai thác tiềm năng về trí tuệ, tay nghề tinh xảo, vốn, bí quyết nghề nghiệp,... của người lao động; phát triển những sản phẩm độc đáo, những mặt hàng truyền thống, từ đó phát huy được những giá trị văn hoá trong tăng trưởng kinh tế khu vực nông nghiệp, nông thôn nói riêng và phát huy được thế mạnh của đất nước nói chung trong tiến trình hội nhập. Do vậy, có thể khẳng định rằng, doanh nghiệp vừa và nhỏ chỉ có thể khai thác và phát huy tốt nhất lợi thế của mình khi khai thác và phát huy được lợi thế của khu vực nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, và ngược lại, lợi thế của khu vực nông nghiệp, nông thôn Việt Nam chỉ có thể khai thác và phát huy tốt nhất khi doanh

ng nghiệp vừa và nhỏ phát huy được những lợi thế của chúng.

Tài liệu tham khảo

- Nghị quyết TW 5, Ban Chấp hành TW Đảng khóa IX về thủ tục đổi mới cơ chế chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân.
- Công báo số 49 (2001), Văn Phòng Chính phủ.
- Nguyễn Cúc, Hồ Văn Vĩnh, PTS Đặng Ngọc Lợi, Nguyễn Hữu Thắng (1997), *Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam*, Nxb Chính Trị Quốc Gia
- Nguyễn Công Tạn (2003), "Vị trí chiến lược của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam", *Tạp Chí Kinh tế và Phát triển*.
- Vũ Quang Tuấn, Hoàng Thu Hải (2002), Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh nghiệm nước ngoài và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- Bước tiến về kết cấu hạ tầng nông thôn - Báo Nhân dân 09/5/2002.